

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi
Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật phòng chống, thiên tai ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ về việc quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng

nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/9/2022 và thay thế Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Trà Vinh; Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ QG PCTT;
- Các Bộ: TC, NN&PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; các phòng;
- Lưu: VT, NN. 05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Trà Vinh

(kèm theo Quyết định số: **23**/2022/QĐ-UBND ngày **05/9**/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi tắt là Quỹ). Những nội dung không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chi Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm, chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán. Mức chi phù hợp với nhu cầu cần thiết, hợp lý theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định hiện hành trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

b) Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Mức chi 120.000 đồng/người/ngày.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

- Tu sửa nhà ở: Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ làm nhà ở quy theo định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà theo quy định theo định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (trong trường hợp các đối tượng nêu trên đã được hỗ trợ tu sửa nhà ở từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác của nhà nước thì không hỗ trợ từ Quỹ). Đối với hộ còn lại, mức chi bằng 50% mức chi hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai.

- Xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai.

c) Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai. Mức chi theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ và Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai.

e) Xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở.

g) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai. Mức chi tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp. Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 13/9/2021, Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

c) Sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm.

d) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

e) Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã. Mức chi 60.000 đồng/người/ngày.

g) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.

h) Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết phục vụ cho hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với các nội dung chi chưa có mức chi cụ thể, mức chi theo tình hình thực tế phù hợp với nhu cầu cần thiết, hợp lý theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định hiện hành trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 4. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi hỗ trợ từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại Điều 3 Quy định này theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ Trung ương hoặc quyết định điều chuyển cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác.

Điều 5. Lập dự toán, đề xuất sử dụng Quỹ

1. Kế hoạch hàng năm:

Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát, kiểm tra nội dung đề xuất của các địa phương, đơn vị; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Kế hoạch phát sinh khi xảy ra sự cố đột xuất, thiệt hại do thiên tai gây ra:

a) Các địa phương, đơn vị báo cáo tình hình thiệt hại do sự cố thiên tai gây ra và đề xuất hỗ trợ kinh phí để khắc phục.

b) Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra thực tế nơi xảy ra sự cố, lập biên bản đánh giá thiệt hại, nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục.

c) Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chi hỗ trợ từ nguồn Quỹ của tỉnh để kịp thời tổ chức khắc phục.

3. Sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý Quỹ lập thủ tục chi tạm ứng cho các địa phương, đơn vị theo đúng nội dung và kinh phí được duyệt.

Điều 6. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai cấp huyện, định kỳ trước ngày 15 hàng tháng báo cáo kết quả thu, chi Quỹ của cấp mình với cơ quan quản lý Quỹ.

2. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý I hàng năm. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

3. Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, Cơ quan quản lý Quỹ báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương; thực hiện các báo cáo đột xuất liên quan đến việc quản lý thu, chi, quyết toán Quỹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý Quỹ Trung ương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, rà soát, thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tham mưu xây dựng kế hoạch chi Quỹ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Sở Tài chính

1. Kiểm tra, giám sát về tài chính của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đề xuất ngân sách tỉnh hỗ trợ cho công tác phòng, chống thiên tai khi nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai không đáp ứng.

Điều 9. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước với Hội đồng quản lý Quỹ vào Quý I năm sau.

2. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và thẩm tra quyết toán của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện, lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 31/3 năm sau.

3. Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thu, chi Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, và các cơ quan có liên quan.

4. Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ Quỹ đúng theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

7. Công khai báo cáo quyết toán bằng các hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan quản lý Quỹ và trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại chuyên mục Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

Điều 10. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

3. Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

Điều 11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng ngừa trước thiên tai, ứng phó trong thiên tai và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại

theo quy định; nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện hỗ trợ, báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo cơ quan quản lý Quỹ trước 28/02 hàng năm.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa trước thiên tai, ứng phó trong thiên tai và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

2. Thống kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại theo quy định, đề xuất nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất và báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. Lập báo cáo quyết toán kết quả thu, chi Quỹ trên địa bàn, báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31/01 năm sau để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, tổ chức và cá nhân phản ánh về cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.